

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng hơn 13 điểm trong phiên hôm nay, đóng cửa tại mốc 1,667.98 điểm. Số mã giảm nhiều hơn số mã tăng, 7/18 ngành tăng điểm, cho thấy dòng tiền có xu hướng tập trung vào một số mã nhất định. Ngành Du lịch & giải trí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Truyền thông, Bất động sản,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, HNX và UPCOM. Tâm lý thị trường vẫn còn khá thận trọng, thể hiện ở thanh khoản duy trì thấp. Trong những phiên tới, VN-Index có thể tiếp tục tiến về 1,680 – 1,700, tuy nhiên nếu không đi cùng sự ủng hộ của dòng tiền, chỉ số sẽ tăng đi kèm rung lắc.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 24/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+13.05** điểm, đóng cửa tại **1667.98** điểm. HNX-Index **-1.91** điểm, đóng cửa tại **261.22** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+8.85)**, **VHM (+3.22)**, **VNM (+1.52)**, **VPL (+1.42)**, **VJC (+1.42)**.
- Kéo chỉ số giảm: **STB (-0.53)**, **HPG (-0.51)**, **GAS (-0.48)**, **TCB (-0.47)**, **VCB (-0.37)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,446** tỷ đồng, giảm **-15.46%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,388 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.28 điểm. Thị trường có **123** mã tăng, 54 mã tham chiếu, **186** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1153.32** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VRE (-288.28 tỷ)**, **VHM (-151.23 tỷ)**, **STB (-119.95 tỷ)**, **VIC (-119.88 tỷ)**, **MWG (-104.33 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-32.82** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.13%**. Các mã diễn biến tích cực:
VNM (+5.18%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+3.42%) [\(Link báo cáo\)](#)
VPB (+1.58%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.24%**. Các mã diễn biến tích cực:
VRE (+6.99%) [\(Link báo cáo\)](#)
VJC (+5.24%)
VIC (+4.27%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.13%	-0.24%	0.79%	0.87%
1 tuần	-1.25%	-1.86%	0.82%	1.21%
1 tháng	1.56%	-0.50%	-0.90%	-1.45%
3 tháng	-2.55%	-4.69%	0.02%	3.64%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,667.98	261.22	118.93
% 1D	0.79%	-0.73%	0.20%
GTKL (tỷ VND)	15,446	847	396
%1D	-15.46%	-36.24%	-37.28%
GDNN (tỷ VND)	-1153.32	-32.82	-61.38

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	157.67	VRE	-288.28
VNM	146.76	VHM	-151.23
VPB	64.56	STB	-119.95
TCX	52.29	VIC	-119.88
HDG	27.18	MWG	-104.33

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

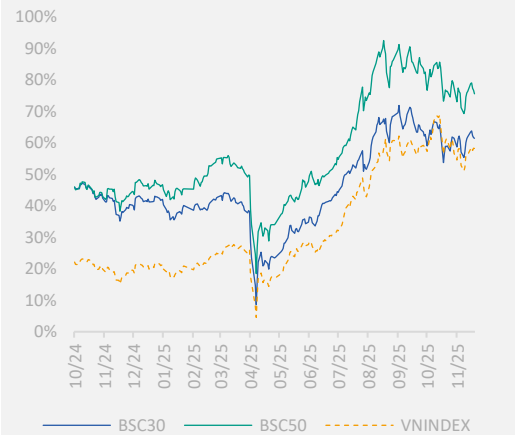
		%D	%W
SPX	6,603	0.98%	-1.95%
FTSE100	9,589	0.52%	-0.89%
Eurostoxx	5,561	0.65%	-1.67%
Shanghai	3,837	0.05%	-3.41%
Nikkei	48,626	-2.40%	-3.48%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.28	-0.45%
Giá vàng	4,063	-0.33%
Tỷ giá		
USD/VND	26,401	0.03%
EUR/VND	31,106	-0.37%
JPY/VND	172	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	0.03%
LS LNH 1M	5.4%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

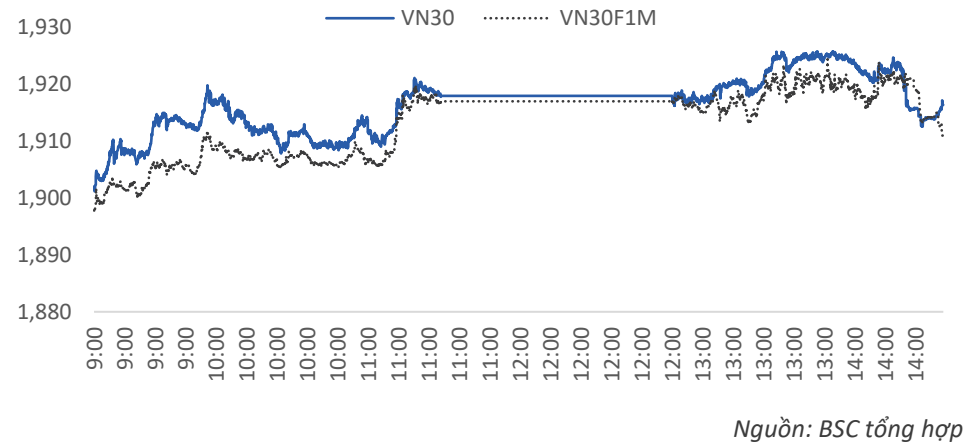
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1906.00	0.90%	480	-23.9%	15/01/2026	52
41I1G6000	1911.00	1.88%	30	-30.2%	18/06/2026	206
VN30F2512	1911.00	0.98%	218,450	-18.2%	18/12/2025	24
41I1G3000	1913.60	1.42%	42	-64.10%	19/03/2026	115

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +16.47 điểm, đóng cửa tại 1916.36 điểm. Biên độ dao động 24.61 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VJC, VNM, VRE, VHM tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữ được sắc xanh từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường tiếp tục duy trì ở mức thấp. Chiến lược là long/short linh hoạt.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVNM2516	3/12/2025	9	275,700	0.15%	61.18	250	78.6%	0.28	63.09	63.00	63.00
CVRE2513	15/12/2025	21	657,800	0.90%	30.00	2,380	66.4%	2.30	34.76	34.45	34.45
CVNM2513	15/12/2025	21	1,744,000	0.39%	58.17	1,100	57.1%	1.10	63.25	63.00	63.00
CVHM2517	3/12/2025	9	208,000	1.30%	88.89	3,030	55.4%	2.78	104.04	102.70	102.70
CSTB2522	3/12/2025	9	32,500	10.93%	54.57	180	50.0%	0.02	55.47	50.00	50.00
CVNM2503	26/03/2026	122	462,700	8.84%	63.21	1,170	42.7%	0.80	68.57	63.00	63.00
CVRE2518	4/05/2026	161	14,600	9.02%	29.00	2,140	31.3%	1.75	37.56	34.45	34.45
CVRE2516	23/06/2026	211	374,200	6.42%	26.00	5,330	26.6%	4.86	36.66	34.45	34.45
CVRE2519	3/06/2026	191	22,400	11.46%	30.00	2,100	26.5%	1.65	38.40	34.45	34.45
CVRE2523	25/03/2026	121	264,700	15.53%	35.00	1,200	26.3%	0.73	39.80	34.45	34.45
CSTB2530	25/06/2026	213	100	40.48%	67.80	1,220	25.8%	0.78	70.24	50.00	50.00
CVNM2515	23/06/2026	211	1,068,500	8.59%	57.36	2,890	25.7%	2.26	68.41	63.00	63.00
CVNM2518	3/04/2026	130	170,300	14.58%	65.11	740	25.4%	0.31	72.19	63.00	63.00
CVRE2524	25/06/2026	213	404,200	23.80%	35.89	1,690	25.2%	0.92	42.65	34.45	34.45
CLPB2505	5/01/2026	42	100	11.41%	36.69	4,350	22.9%	3.02	54.09	48.55	48.55
CSTB2511	19/12/2025	25	33,100	4.72%	45.00	1,840	22.7%	1.37	52.36	50.00	50.00
CVRE2512	20/05/2026	177	197,000	3.57%	23.50	6,090	22.5%	5.83	35.68	34.45	34.45
CVRE2520	23/06/2026	211	19,900	15.21%	32.70	2,330	22.0%	1.72	39.69	34.45	34.45
CTPB2505	3/03/2026	99	11,600	22.88%	14.94	1,640	21.5%	0.73	21.20	17.25	17.25
CVNM2514	23/01/2026	60	496,600	1.49%	53.54	1,360	20.4%	1.30	63.94	63.00	63.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 24/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVNM2516 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 78.57%. CHPG2535 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.34%.
 - CVHM2521, CVHM2524, CVRE2526, CTPB2510, CSTB2533 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	239.50	4.27%	9.25
VJC	204.80	5.24%	4.26
VNM	63.00	5.18%	4.07
VRE	34.45	6.99%	3.26
VHM	102.70	3.42%	2.90

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	27.10	-1.09%	-1.86
STB	50.00	-2.53%	-1.48
FPT	100.20	-0.60%	-1.29
MWG	79.30	-0.88%	-1.15
TCB	33.95	-0.88%	-0.76

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	239.50	4.27%	8.85	3.88
VHM	102.70	3.42%	3.22	4.11
VNM	63.00	5.18%	1.52	2.09
VPL	77.90	4.56%	1.42	1.79
VJC	204.80	5.24%	1.42	0.59

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	76.40	0.53%	0.22	0.90
BAB	12.50	1.63%	0.12	0.96
MBS	29.40	0.68%	0.07	0.59
SCG	65.90	0.92%	0.03	0.09
PMC	180.00	2.86%	0.03	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VRE	34.45	6.99%	1.22	26.46
HID	7.20	6.98%	0.01	0.21
CLW	46.00	6.98%	0.01	0.00
HU1	6.49	6.92%	0.00	0.02
ABS	3.41	6.90%	0.00	0.33

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	35.90	9.79%	0.11	0.02
HLC	18.10	9.70%	0.16	0.13
PTD	6.80	9.68%	0.01	0.00
VTC	11.80	9.26%	0.02	0.00
MAS	33.10	6.09%	0.03	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STB	50.00	-2.53%	-0.53	1.89
HPG	27.10	-1.09%	-0.51	7.68
GAS	61.00	-1.45%	-0.48	2.41
TCB	33.95	-0.88%	-0.47	7.09
VCB	58.80	-0.34%	-0.37	8.36

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	40.00	-2.91%	-0.26	0.38
HUT	17.10	-2.29%	-0.25	1.07
PTI	36.20	-9.50%	-0.25	0.12
KSV	148.00	-1.33%	-0.23	0.20
PVS	33.10	-1.78%	-0.17	0.48

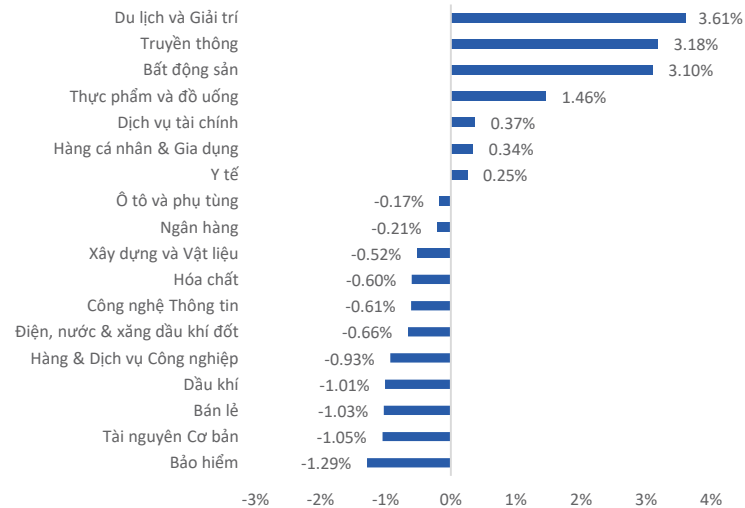
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CCC	13.95	-6.69%	-0.01	0.22
VDP	45.90	-6.33%	-0.01	0.04
CCI	25.60	-6.23%	-0.01	0.00
TNC	28.20	-5.69%	-0.01	0.00
STG	32.80	-5.20%	-0.04	0.00

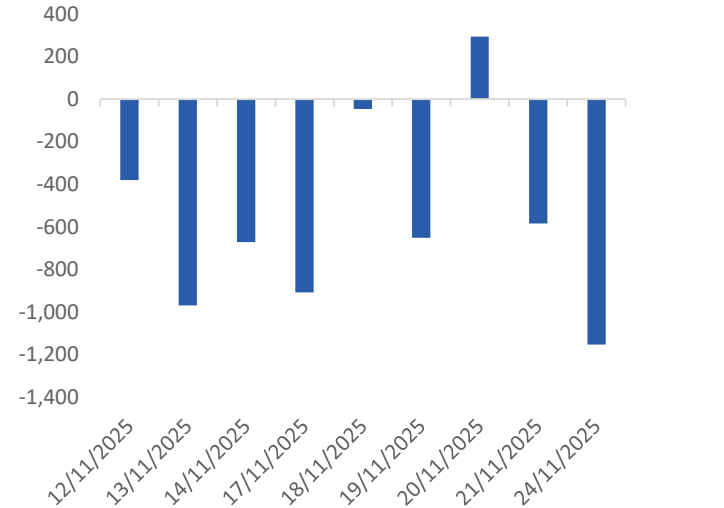
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ATS	27.00	-9.70%	-0.03	0.00
PTI	36.20	-9.50%	-1.51	0.00
HTC	29.70	-9.17%	-0.16	0.01
DNP	20.00	-8.68%	-0.89	0.00
VHL	10.20	-6.42%	-0.06	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	79.3	-0.9%	1.1	118,277	355.5	3,955	20.2	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	35.0	0.1%	1.4	32,867	75.6	1,872	18.6	46,000	10.3%	Link
KDH	Bất động sản	34.9	0.0%	1.1	39,109	108.0	857	40.6	39,900	27.4%	Link
PDR	Bất động sản	22.3	-1.3%	1.4	22,144	84.8	211	107.1	28,200	8.9%	Link
VHM	Bất động sản	102.7	3.4%	1.3	407,866	648.4	6,133	16.2	119,600	9.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	100.2	-0.6%	0.9	171,714	639.0	5,280	19.1	118,700	38.6%	Link
BSR	Dầu khí	15.6	-1.6%	0.0	79,115	48.9	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	33.1	-1.8%	1.4	16,107	98.8	3,040	11.1	42,800	12.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.6	0.2%	1.3	24,299	103.0	1,410	16.0		34.7%	
SSI	Dịch vụ tài chính	34.4	0.3%	1.1	71,204	408.2	1,882	18.2		32.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.2	-0.4%	1.1	24,821	247.5	1,589	21.6		16.8%	
DCM	Hóa chất	33.9	-0.6%	1.3	18,026	50.5	3,578	9.5	47,300	3.9%	Link
DGC	Hóa chất	96.0	-0.8%	1.2	36,763	116.5	8,296	11.7	109,300	10.8%	Link
ACB	Ngân hàng	24.6	-0.4%	0.9	126,875	174.8	3,385	7.3	28,400	29.3%	Link
BID	Ngân hàng	37.7	0.1%	1.0	264,003	41.6	3,781	9.9	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	48.8	-0.6%	1.1	263,667	211.5	6,208	7.9	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	31.1	-0.3%	1.2	120,414	561.9	3,664	8.5	34,400	23.6%	Link
MBB	Ngân hàng	23.2	-0.2%	1.0	186,876	244.8	3,017	7.7	29,300	20.3%	Link
MSB	Ngân hàng	12.2	0.0%	1.1	37,908	20.6	1,729	7.0	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	50.0	-2.5%	0.9	96,712	418.5	6,519	7.9		14.9%	
TCB	Ngân hàng	34.0	-0.9%	1.1	242,704	351.8	3,112	11.0	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.3	0.0%	1.2	47,852	115.5	2,358	7.3	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	58.8	-0.3%	0.7	492,985	165.5	4,202	14.0	73,200	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.5	-0.3%	0.9	63,144	69.8	2,225	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.0	1.6%	1.2	226,514	540.1	2,603	11.0	35,650	24.1%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.1	-1.1%	1.0	210,308	457.5	1,876	14.6	33,170	19.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.9	-1.2%	1.0	10,619	42.4	1,178	14.5	19,800	4.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.2	0.7%	1.2	10,391	140.1	4,150	6.5	28,800	2.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.8	0.4%	1.2	112,058	625.8	2,196	35.3	98,300	22.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.0	5.2%	0.6	125,188	635.9	4,160	14.4	64,500	49.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.9	-2.23%	1.2	9,930	59.9	2,412	18.6	21.3%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	140.4	-1.34%	0.9	24,234	26.6	3,620	39.3	32.3%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	53.2	-1.66%	1.2	40,160	10.7	3,578	15.1	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.7	-1.43%	1.1	16,725	150.3	513	40.9	4.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	19.0	-1.04%	1.2	19,512	139.4	401	47.8	20.6%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	27.9	0.00%	1.0	5,573	29.1	3,057	9.1	2.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	32.8	1.55%	1.5	11,950	116.4	938	34.4	20.9%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	40.0	-2.91%	1.4	15,635	95.6	4,849	8.5	10.8%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	35.9	-0.28%	1.1	17,443	23.5	2,168	16.6	45.4%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	57.0	-1.21%	1.3	13,970	52.8	5,474	10.5	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	31.7	-0.78%	1.1	5,742	8.4	1,763	18.1	2.7%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.5	-0.24%	1.5	18,698	75.5	801	25.6	12.7%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	239.5	4.27%	1.2	885,038	767.1	2,287	100.4	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	34.5	6.99%	1.4	73,169	895.7	2,144	15.0	14.2%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	38.2	0.39%	1.1	8,046	4.7	1,833	20.7	38.3%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	33.9	-0.29%	0.7	43,137	27.4	2,090	16.2	14.9%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.8	0.00%	1.1	14,314	435.9	1,602	16.1	7.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.1	-0.45%	1.3	11,504	22.3	1,262	26.3	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.4	0.68%	1.8	19,234	36.7	1,681	17.4	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.0	-1.45%	0.7	149,362	24.0	5,014	12.4	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.1	1.00%	0.9	35,011	160.5	812	18.4	2.7%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.3	-1.04%	0.7	36,291	19.1	4,776	14.0	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	204.8	5.24%	0.4	115,128	574.1	2,897	67.2	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	43.5	-1.14%	0.8	39,706	268.9	2,313	19.0	7.9%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.9	-0.47%	1.0	26,954	110.2	3,502	18.1	43.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.7	-4.49%	0.6	10,908	128.7	6,185	10.4	6.7%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.9	-0.83%	0.9	8,459	27.8	2,090	8.6	9.2%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	102.8	-1.15%	0.0	12,665	39.1	3,139	33.1	4.8%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	87.5	0.46%	0.9	29,714	17.9	6,919	12.6	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.5	-0.18%	1.0	3,193	23.4	2,535	11.2	48.4%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.5	-0.51%	1.4	2,523	7.5	2,874	6.8	17.1%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.2	-1.91%	1.1	16,046	123.2	1,212	19.5	4.0%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	27.7	-0.36%	1.8	111,200	24.6	1,569	17.7	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.2	-0.67%	0.9	41,539	214.6	1,635	13.6	3.2%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	48.6	0.00%	0.8	145,033	62.2	3,469	14.0	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.4	-0.69%	0.0	24,792	21.3	2,337	6.2	1.5%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.3	0.82%	1.0	32,356	25.4	1,460	8.3	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.4	-0.61%	0.9	7,385	47.3	571	28.9	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	30.0	-1.32%	1.3	8,094	39.6	2,829	10.8	4.2%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.0	0.63%	0.7	9,668	47.2	1,715	18.5	2.8%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.2	-1.18%	0.7	59,896	46.7	3,373	13.8	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.4	0.00%	1.1	13,108	37.7	6,944	8.4	19.7%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	156.5	-0.06%	0.3	12,819	12.2	14,639	10.7	85.3%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	88.6	3.14%	1.1	8,713	55.1	6,560	13.1	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	88.6	-1.88%	1.2	10,329	31.0	5,128	17.6	5.2%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.0	-1.12%	1.2	4,486	17.5	3,037	14.7	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.1	-0.35%	1.2	7,014	41.3	1,106	12.8	9.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.9	-1.13%	1.0	9,089	30.1	1,377	16.0	12.3%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.0	-1.24%	0.9	15,677	71.2	6,148	3.9	5.0%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.2	0.33%	1.2	20,198	18.3	3,090	14.6	3.0%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>